

BẢN LUẬN QUYỂN 18

Mười bốn đoạn giải thích về nghĩa Thể trong Già-đà.

Trên đã nói năm đoạn xong, trong quyển này có tám đoạn hoàn toàn và phần ít đoạn (một vài đoạn) thứ mười bốn. Loại giải thích đầu tiên này có ba bài Tụng:

Một bài Tụng đầu, là hỏi; hai bài Tụng sau, là đáp.

Trong phần hỏi có năm:

1/ Nước nhuận sinh vượt hơn.

2/ Mở mang Đạo xuất thế.

3/ Học với thầy nào?

4/ Trụ học pháp nào?

5/ Không sợ chết.

Trong phần đáp:

Một bài Tụng rưỡi đầu, là đáp hai câu hỏi thứ nhất: Nêu đủ chín đức. Đã thành người vượt hơn, có thể nhuận sinh vượt hơn và mở mang Đạo xuất thế.

Nửa bài Tụng sau, đáp ba câu hỏi sau: dùng pháp để sửa cho ngay thẳng, cho thành khuôn phép, để dẫn dắt.

Luận sư Cảnh nói: “Nghĩa là lấy pháp thật, và dùng chánh pháp của vua, đối với kẻ ác thì chế phục rõ ràng; với người thiện, làm kẻ dẫn dắt.

Luận sư Thái nói: “Tráng có bốn nghĩa:

1/ Dùng giáo pháp.

2/ Nói chánh nhân quả.

3/ Dùng giới, luật để chế ngự.

4/ Dùng ba thừa để dẫn dắt.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Dùng pháp là đạo lý; để chánh nghĩa là thuận ích; để chế nghĩa là khuôn phép, để dẫn dắt nghĩa là khuyên răn. Lại, lấy pháp, là giáo; lấy chánh, là lý; lấy chế, là dùng giáo lý này để chế ngự; lấy dẫn dắt, nghĩa là huấn thị, chứ chẳng phải lấy oai nghiêm để hình phạt họ. Nghĩa là vì sức nhân nên là bố thí; sức sử dụng, nghĩa là chắc thật; trị bạn, nghĩa là tuệ xả.

Thế nào là suối? Nghĩa là chỗ sáu Xứ Xúc. Sáu Xứ, như suối; phiền não, như nước. Vì chỗ suối chảy ra, nên hoặc an thọ thuộc về Thọ, nghĩa là Lạc. Lại, do tâm vui, gọi là An thọ; thân cảm thấy dễ chịu, gọi là thuộc về Thọ, không an thì trái với đây.”

Lại có một giải thích: “An thọ là Hỷ lạc; thuộc về Thọ, nghĩa là

thân, tâm, hoặc hạt giống của Thọ.

Đoạn thứ chín lại giải thích trong “Lưu” (dòng chảy) có năm bài tụng được chia làm hai đoạn:

1/ Hai bài Tụng đầu; nói phàm phu Hữu học v.v... xoay vẫn có thể vượt qua bực lưu.

2/ Ba bài Tụng sau, nói về Đạo rốt ráo vượt qua hẳn bực lưu.

Trong hai bài Tụng đầu, trước hỏi, sau đáp. Trong phần đáp, một câu đầu, nói về phàm phu do niềm tin chân chính, nên vượt qua bực lưu Dục. Ba câu sau, nói đều là Hữu học, vượt qua ba bực lưu còn lại.

Về nghĩa bốn Lưu, như hai quyển thứ tám, thứ chín v.v... trước đã giải thích.

Hai mươi hai Xứ trong giải thích ba bài Tụng sau, như Địa Thanh vẫn có nói rộng. Và, nói về chủ thể chứng Đệ nhất trụ đạo, nghĩa là chủ thể chứng Diệt tận, tham, thứ mười, trong bốn bài Tụng:

1/ Một bài Tụng, là hỏi.

2/ Một bài Tụng, là đáp.

3/ Một bài Tụng, là kết.

4/ Một bài Tụng nói Đối trừ.

Trong phần giải thích, nếu dựa vào điều mà hai Luận sư cảnh, Cơ đã phán quyết được chia làm bốn đoạn:

1/ Giải thích bài Tụng đầu.

2/ “Thế nào là nhuận sinh” trở xuống, là giải thích bài Tụng thứ hai.

3/ Trong phần giải thích bài Tụng thứ ba, vẫn không đồng. Luận sư Cảnh nói: “Lược có sáu thứ dục riêng trở xuống.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Hoặc có sức tay “trở xuống”.

4/ “Lại có Sa-môn...” trở xuống, giải thích bài Tụng thứ tư. Nay, chia làm ba:

1/ Giải thích bài Tụng đầu.

2/ “Thế nào là nhuận sinh” trở xuống, là giải thích hai bài Tụng tiếp theo

3/ “Lại có Sa-môn...” trở xuống, là giải thích bài Tụng thứ tư.

Cây Nặc-Cồ-Đà. Cây này vốn từ một hạt giống mọc lên. Nhánh sau to dài, rũ sát mặt đất, tự có chúng sinh. Lại, chim ăn hạt cây, rẽ chúng nường tựa theo đường rẽ của cây. Lại mọc lên nhiều cây, rẽ nường vào nhánh cây. Xoay vẫn như thế, từ một cây gốc, mọc ra nhiều cây. Nước gọi là duyên chung. Cho nên, Tham, Nhuế v.v... đều lấy nước ái thấm thuận làm duyên chung, đều là tự hạt giống mà làm duyên

riêng.

Ma-Lỗ-Ca-Điều: Là loại dây leo. Đây là dụ cho các dục. Xưa nói là Ma- Lôu-Ca-Tử. Sáu thứ dục khác nhau, giống như cây rừng. Vì tham hay quán vòng quanh, nên dụ cho sẵn bìm.

Trong nghĩa tóm tắt, hai thứ trong nhiều, ràng buộc riêng. Nghĩa là văn Luận tự giải thích gọi là sự ràng buộc riêng. Mỗi hạt giống khác nhau, gọi là nhân không chung, đều do ái thấm nhuần, gọi là duyên chung.

Phương tiện đoạn, dứt thắng lợi. là: Nửa bài Tụng trên, trong hàng bài tụng thứ tư, là nói rõ về tánh Vô thường rồi, không khởi tham chấp mắc, gọi là phương tiện đoạn.

Nửa bài Tụng sau, là nói vượt qua bộc lưu xong, cuối cùng không có thối lui, gọi là dứt thắng lợi. Hoặc tham, hoặc hôn hờ, cho đến phẩm ái v.v... nghĩa là trong sáu dục riêng đã sinh ra phẩm ái, Nhuế, như trước nên biết.

Đấm say, ham thích, tức là thứ sáu Tâm, Từ năm trần bên ngoài.

Đoạn thứ mười một: có năm bài Tụng:

Một bài Tụng đầu, là hỏi; bốn bài Tụng còn lại, là đáp. Giải thích đầu tiên trong phần giải thích, là Tụng hỏi.

Thứ hai, “lại nói đức Như lai dựa vào nghĩa thứ nhất...” trở xuống, giải thích về bài tụng đáp thứ nhất.

“Do đây, chỉ bày rõ Học và Vô học” trở xuống, là giải thích bài tụng đáp thứ hai.

“Đây là chỉ rõ các Bà-la-môn” trở xuống, là giải thích bài tụng đáp thứ ba.

“Người được tinh lực dứt trừ hẳn tất cả” trở xuống, bài Tụng đáp thứ tư.

Nếu chưa lìa dục, vì vượt qua Dục lưu, vận động chân tay, phát siêng năng tinh tấn, gọi là chưa cùng tột đáy. Nếu đã lìa dục, thì gọi là được nguồn đáy, thường tham dự tiến tới dứt trừ các kiết phần trên, không vận động chân tay, siêng năng thêm tinh tấn, được gọi là chẳng phải các phần thân.

Đoạn thứ mười hai có năm bài Tụng, bốn hàng rưỡi bài tụng trước, trong sự cần cù, vất vả, có ba lượt hỏi đáp.

Hai câu đầu là một lượt hỏi đáp, nói về việc Đức Phật vượt qua bộc lưu, trời gọi là Đức Phật là Bí-sô.

Hai câu tiếp theo là lượt hỏi đáp thứ hai, nói Đức Phật không có duyên bám, không có trụ, đã vượt qua bộc lưu.

Dưới đây, có ba bài Tụng rưỡi là lượt hỏi đáp thứ ba, nói về Đức Phật không có bám trụ sự vượt qua tướng bực lưu, trong đó một bài Tụng đầu, là hỏi; hai bài Tụng dưới, là đáp.

Trong phần đáp, một bài Tụng rưỡi đầu, là nói về chướng; một bài Tụng sau, là nói về pháp đối trị.

“Như lai ta đã phải siêng năng khổ nhọc...” là nói về Đức Phật khi xưa khổ hạnh ròng rã sáu năm, uống công khổ nhọc, kém cỏi như thế, như thế. Do Phật hành khổ thực hạnh, nên pháp hành bị lui mất, nên gọi là kém.

“Như như ta kém, đã trụ như thế, như thế.” Nghĩa là biết pháp lành của ta bị lui mất, nên bỏ tà hạnh, Như như ta trụ, đã phiêu lưu như thế, như thế. Nghĩa là lại đến với ngoại đạo Uất Đầu Lam tử v.v... đã thuận theo quán sát, gọi là phiêu lưu.

Dưới đây là phần nói về đối trị.

Đức Phật lại đến dưới cây Bồ-đề, bỏ tất cả phi phương tiện, gồm sự tinh tấn vô ích, gọi là bỏ đi sự khổ nhọc.

Không có kém, bớt, Nghĩa là pháp thiện tăng trưởng.

“Nói rộng về sự tươi trắng như thế” trở xuống, câu này gồm có hai nghĩa:

1/ Do không biết tu đủ, nên không rảnh an trụ, tức trái với trụ ở trước.

2/ Lại không tìm thầy của ngoại đạo khác v.v... vì tự nhiên thành Phật, nên không có trôi nổi.

Trong đây, “kỳ diệm” nên biết. Nghĩa là kết bài tụng đã nói trên là ứng bài tụng Già-đà.

Văn xuôi có ba:

1/ Nêu không có bám trụ, chỉ đồng với thuyết trước: Niết-bàn, Diệt định v.v... Nghĩa là nếu y cứ ở Niết-bàn thì vì lìa triền hiện tại, nên gọi là không có duyên bám, vì lìa tùy miên, nên gọi là không có trụ. Nếu ở Diệt định, Diệt tưởng, thì gọi là không có duyên bám; Diệt thọ, gọi là không có trụ.

“Đức Thế Tôn dựa vào xưa” trở xuống, 2/ giải thích; 3/ văn đáp.

Trước, là giải thích chung về trị chướng trong bài Tụng. Sau, là giải thích riêng.

- Chẳng phải phương tiện, nghĩa là ở chỗ Ni-kiền-đà, mỗi ngày chỉ ăn hột mè, mạch, tà tự khổ hạnh.

Ốt-Đạt-Lạc-Ca, nghĩa là mạnh mẽ, hưng thịnh. Xưa nói rằng, Uất-Đầu-lam tử, tu định Phi tướng với Ốt-đạt-lạc-ca.

A-la-trà, nghĩa là gặp gỡ, tức cự A-lam, Già-lam, tu Vô Sở hữu xứ với ông ấy, tức nói khổ hạnh ở lạc hạnh trước kia.

Bốn nghĩa trong đây bỏ sự khổ nhọc vất vả v.v..., văn kinh như thứ lớp phối hợp giải thích. Nghĩa là lại “thời gian sau, ngôi tòa Bồ-đề” trở xuống, là câu thứ nhất, bỏ sự gian lao vất vả.

“Đã có pháp niệm, bèn được tăng trưởng”, là câu hai, bỏ sự kém cỏi.

“Như thứ lớp pháp thiện đã tăng trưởng” trở xuống, câu thứ ba là xả trụ.

“Do không biết đủ như thế” trở xuống, là câu thứ tư, bỏ trôi nổi, nên, nói là như thứ lớp.

“Sao lại dựa vào Niết-bàn, chẳng dựa, chẳng trụ, để làm rõ sự khác nhau” trở xuống, câu thứ ba là giải thích dứt khoát không có nương tựa, không có trụ trong hai lượt hỏi đáp đầu tiên. Trước, y cứ Niết-bàn để giải thích. Sau, y cứ vào Tướng, Thọ Diệt để giải thích.

Không có nương tựa: là vượt qua triền hiện tại, không có trụ, là vượt qua Tùy miên.

“Trở lại, lại chỉ trụ nhân sinh của Địa dưới.” Nghĩa là lại sụt lui khỏi “hoặc” của thiên thứ tư. Vì trụ nhân đó, nên tâm quyết định hướng Địa đó mà được quả. Nghĩa là qua đời ở cõi Dục, sinh lên tĩn Lự thứ tư. Như Luận Đối Pháp nói: “Từng có Đệ tử bậc Thánh đã lìa dục của cõi Sắc, được vắng lặng giải thoát của cõi Vô Sắc, về sau quyết định sẽ sinh cõi Sắc hay chẳng?”

Đáp: “Có”. Nghĩa là được định Diệt Tận, lui sụt sinh trong cõi Sắc, tức là cõi Vô Sắc này.”

Đại ý bài Tụng này nói, ngoại đạo có là siêng năng khổ nhọc v.v... đức Thế Tôn ta đã thoát khỏi sự vất vả nhọc nhằn của sinh tử, chứng Niết-bàn, vì quyết định đã lìa sinh tử. Nếu bậc Thánh lui sụt thì có siêng năng khổ nhọc, v.v...

Đoạn thứ mười ba, trong phần được nghĩa Già-đà. Một bài Tụng rười, là hỏi; một bài Tụng rười, là đáp.

Biết rõ đầu tiên kia, nghĩa là biết tập nhân. Ba thứ sau, là biết rõ Khổ, Diệt, Đạo, như thứ lớp. Khéo thấy, khéo biết, khéo xem xét, khéo thấu rõ. Nghĩa là dùng trí bốn Đế như tập v.v... như thứ lớp, nên biết.

Đoạn thứ mười bốn. “Các hành Vô thường” trở xuống, có bốn mươi bốn bài Tụng, là giải thích về luận nghị. Trong đó chia làm hai mươi bảy đoạn. Vì phân tích, biểu dương lý sâu sắc, nên gọi là Luận nghị.

Giải thích trong bài Tụng đầu, văn chia làm bốn:

1/ Giải thích trường hợp chung ở đầu: “có”, chẳng phải thường có, “không” chẳng phải thường không có.” Sinh và diệt đều là Vô thường. Lời nói Vô thường đi suốt qua ba đời chung và quá khứ riêng.

Uẩn và Thủ uẩn, đều gọi là các hành, ý ở Thủ uẩn. Nghĩa là thể của uẩn có cả hữu lậu, Vô lậu, Thủ uẩn chỉ có hữu lậu. Nay, trong nghĩa này, vì ý nói về Thủ uẩn.

2/ “Nếu quá khứ sinh quá khứ mà được” trở xuống, như thứ lớp, giải thích về Vô thường, câu thứ nhất, pháp có sinh diệt, câu thứ hai. Đời quá khứ đã sinh diệt, gọi là pháp Vô thường. Đời vị lai sẽ sinh, có thể diệt, gọi là pháp có sinh. Đời hiện tại hiện nay đang sinh, sắc diệt, nên gọi là pháp có diệt. Các hành của ba đời đều là pháp có diệt.

Nói vì đều là quá khứ, cho nên đồng. Nghĩa là các pháp đã qua, gọi là đều là quá khứ. Phân biệt với hiện tại, gọi là đã lui diệt. Lại, phân biệt với vị lai, gọi là sinh đã mất.

3/ “Nếu các uẩn kia ở vị lai” trở xuống, là giải thích trường hợp thứ ba.

“Nếu các hữu tình” trở xuống, giải thích trường hợp thứ tư. Vì nhân của khổ diệt, nên sẽ sinh giải thoát, gọi là vui. Vì sự thô, nặng thô đứt, nên hiện an vui trụ, nói là vui.

Nếu giải thích theo Tiểu thừa về bốn trường hợp này: “Các hành Vô thường”, là lập Tông. “Pháp có sinh diệt”, là nhân.

Có Sinh thì có diệt, nghĩa là thông suốt qua vấn nạn của ngoại đạo. Nạn rằng: “Quả, hiện có sinh, diệt, có thể là Vô thường? Vì thông suốt qua vấn nạn này, nên nói rằng: “Do có sinh, thì có diệt, cho nên là Vô thường.”

4/ Trong nghĩa lược có chín đôi giải thích riêng:

Sáu lần “lại nữa” đầu, như thứ lớp phối hợp các hành và pháp vô vi vắng lặng kia.

Gọi là Biến tri. Nghĩa là đối tượng chứng (sở chứng) từ đạo của chủ thể chứng (năng chứng) mà được tên. Các quán hạnh hữu vi khởi “Vô nguyện” vì không chấp ngã, tức quán là “không”. Cho nên quán các hạnh khởi “không” “Vô nguyện”:

1/ Thuận theo hý luận. Nghĩa là bốn Kiến, hoặc Khổ đế trở xuống, tất cả phiền não.

2/ Sự không có hí luận. Nghĩa là Ngã kiến hoặc Diệt đế trở xuống, là tất cả phiền não. Hai pháp này trái với hiện quán.

Nay, nói hai pháp đoạn y xứ, tức Khổ, Diệt đế.

Tánh không có ngược mạn của Sở tri, tức nửa bài Tụng trên. Tánh không có ngược mạn của Đối tượng chứng, tức nửa bài Tụng dưới. Ngoại đạo chấp thế gian là thường vì chê bai Niết-bàn, nên ở đây gọi là bất cộng.

Trong Đoạn tụng thứ hai, trường hợp thứ nhất trong bài Tụng là Đạo Đế và Diệt Đế là dấu vết. Trường hợp thứ ba do Đạo đế chứng Diệt đế. Trường hợp thứ hai, Tập đế là tích nhân của Khổ Đế. Trường hợp thứ tư, do có Tập đế nên thường thọ Khổ đế.

Trong giải thích, dựa vào bốn sở y để lập bốn Hộ, tức dùng bốn thứ không buông lung làm bốn sở y để lập bốn thứ Hộ:

Do không buông lung, làm cho mạng được an toàn, tức lập Mạng hộ. Do không buông lung, tâm lìa tạp nhiễm, tức lập Tâm tạp nhiễm hộ. Do không buông lung, nên tu đạo Niết-bàn, tức lập Chánh phương tiện hộ.

Hoặc khéo tu tập không có buông thả v.v... này. Luận sư Cảnh nói: “Thân hiện nay của A-la-hán dù điều phục chết thiện, nhưng cái chết này cũng do quá khứ vì không điều phục chết thiện, nên có cái chết này. Ở hiện tại, chẳng do không điều phục chết mà ở đời vị lai đều không do chết, do không còn sinh nữa. Nếu có phóng túng thì Bồ-đặc-già-la hiện không điều phục cái chết, cũng do quá khứ không điều phục mà chết. Ở hiện tại, vị lai đều không điều phục cái chết.

Pháp sư Khuy Cơ lại nói: “Các người Hữu học tu Đạo Đế, lúc đã chết trong đời quá khứ, vì họ chưa tu tập đạo, nên có thể do không điều phục cái chết thiện. Hiện tại, do tu tập Đạo, nên không do không điều phục cái chết thiện. Các vị A-la-hán ở vị lai không có chết, cũng gọi là không do điều phục cái chết thiện và không điều phục cái chết thiện. Buông lung thì trái với đây.

Trong nghĩa giản lược, về tánh tự nghiệp tác, tánh xứ, phi xứ. Luận sư Cảnh nói: “Do nói không có buông lung là dấu vết không chết, còn buông lung là dấu vết chết, tức là Xứ. Khác với xứ đã nói ở đây, là phi xứ kia.

Do nói không có buông lung là không chết; buông lung thường chết, tức chứng tỏ là cảnh của tức nghiệp của tự nghiệp.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Nhân quả thiện, ác của tánh Xứ, phi xứ vì thuận với sinh nhau, nên nghiệp mình đã gây ra, chứ chẳng phải người khác gây ra, và vì không có nhân. Thấy đối với nghiệp mà đệ tử đã tạo, lẽ ra, vì pháp dạy răn. Nghĩa tự mình tạo tác của các đệ tử v.v... vì dựa vào thầy truyền trao mà tu pháp đoạn.”

Đoạn thứ ba, trong bài tụng nói về năm nghĩa đó: 1/ Tâm, Tư ác.

2/ Tham mạnh mẽ, nhậy bén. 3/ Tùy quán mầu nhiệm.

4/ Thêm nhiễm, ái.

5/ Sự ràng buộc bền chắc.

Văn xuôi tùy giải thích thứ năm này làm năm đoạn.

Đoạn thứ tư, trong giải thích tụng nói, rằng, thuận với nhân duyên của giới thừa thải, giới xấu ác. Nghĩa là năng phát thân ngữ xấu ác, gọi là nhân duyên xấu ác, tức xưa nói là ác thì la. Vì nhiễm ô giác ác, thiện nên gọi là giới ác, chứ chẳng phải thể của giới là ác. Phạm căn bản của các giới thiện, gọi là nhân duyên của giới thừa thải.

Giải thích, chỉ giải thích nửa trên trong bài Tụng này. Đoạn thứ năm, vẫn trong bài Tụng chia làm hai: Trước, giải thích ba câu trên; sau giải thích câu thứ tư.

Trong giải thích ba câu trên, nghĩa là lấy tám thứ quán quả báo nghiệp của các hữu tình, trong đó lại có hai: Trước, nói riêng tám quán, Sau, “Như thế, răn người thiện nam” trở xuống, là kết thành bốn hạnh: Hạnh đầu, hạnh thứ hai, như thứ lớp đều gồm ba. Hạnh thứ ba, thứ tư, như thứ lớp mỗi hạnh đều gồm ba. Trong nghĩa lược, có nói về nghiệp thiện, ác đều được giới quả, gọi là quả báo nghiệp của Nghiệp Tư như lý. Cho đến ngừng dứt các nghiệp ác này, cuối cùng “không nên vì v.v...” gọi là Tư như lý là Pháp tùy pháp hạnh trước nhất.
